

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO UNDERGRADUATE PROGRAMME

(Ban hành kèm theo Quyết định số 613/QĐ-ĐHM ngày 15 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

*Issued together with Decision No 613/QĐ-ĐHM dated 15 month 3 year 2022 by the
Rector of Ho Chi Minh City Open University)*

I. Thông tin tổng quát-General information

1. Ngành đào tạo/Major in Vietnamese: Hệ thống thông tin quản lý
2. Ngành đào tạo tiếng Anh/Major in English: Management Information System.
3. Mã ngành/Major Code: 7340405.
4. Trình độ đào tạo/Level of training: Đại học – Undergraduate.
5. Hình thức đào tạo/Mode of training: Chính quy - Full time.
6. Thời gian đào tạo/Time of the programme: 4 năm
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ)/Total credits: 131 tín chỉ.
8. Văn bằng tốt nghiệp/Name of degree: Cử nhân/Bachelor.
9. Ngôn ngữ đào tạo/Language(s) of instruction: Tiếng Việt – Vietnamese

II. Mục tiêu đào tạo/Programme Objectives

1. Mục tiêu chung/General objectives

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, được trang bị đầy đủ khối kiến thức giáo dục đại cương, các vấn đề lý thuyết và kỹ năng thực hành của lĩnh vực công nghệ thông tin, các kiến thức về kinh tế và quản trị, nắm vững về tin học quản lý.

2. Mục tiêu cụ thể/ Specific objectives

Mục tiêu cụ thể/Specific objectives	Mô tả/Description
Kiến thức/Knowledge	
PO1	Trang bị kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.

Mục tiêu cụ thể/ <i>Specific objectives</i>	Mô tả/ <i>Description</i>
PO2	Cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin, kinh tế và quản trị; Kiến thức chuyên sâu về tin học quản lý giải quyết các vấn đề nghiệp vụ trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, các cơ quan quản lý khu vực công.
Kỹ năng/Skills	
PO3	Cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết để có đủ năng lực: - Phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành các hệ thống thông tin trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, các cơ quan quản lý khu vực công. - Quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh tế và quản trị.
PO4	Hình thành cho người học năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, viết báo cáo, thuyết trình, đàm phán, giải quyết vấn đề.
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PO5	Đào tạo được các cử nhân HTTTQL có sức khỏe, phẩm chất chính trị tốt, có ý thức phục vụ đất nước, ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng; có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc; có đạo đức nghề nghiệp, nhận thức được tầm quan trọng vai trò của công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội

III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp/Job opportunities after graduation

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các vị trí việc làm sau:

- Chuyên viên công nghệ thông tin giải quyết các bài toán kinh tế và quản trị như marketing, nhân sự, kinh doanh, hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP. Triển vọng nghề nghiệp: Thăng tiến lên giám đốc thông tin (CIO), quản lý dự án (PM), chuyên gia tư vấn hoạch định nhân lực doanh nghiệp (ERP).

- Chuyên viên quản trị và vận hành các hệ thống thông tin, quản trị hệ cơ sở dữ liệu (DBA), quản trị hệ thống thương mại điện tử, lập trình viên, kiểm thử viên phần mềm. Triển vọng nghề nghiệp: Thăng tiến lên trưởng nhóm phát triển (Team Leader), giám đốc kỹ thuật (Technical director), quản lý dự án phần mềm (Software project manager).

- Chuyên viên huấn luyện và đào tạo, nghiên cứu viên trong lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý. Triển vọng nghề nghiệp: Tư vấn cố vấn các vấn đề trong lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý, tiếp tục học lên ở bậc cao hơn và thực hiện nghiên cứu chuyên sâu.

IV. Chuẩn đầu ra – Programme learning outcomes (PLOs)

Chuẩn đầu ra/PLO Code	Mô tả/Description
Kiến thức/Knowledge	
PLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và toán học để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc và cuộc sống.
PLO2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, kinh tế và khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.
PLO3	Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành Hệ thống thông tin quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và đời sống.
PLO4	Áp dụng được các kiến thức ngành Hệ thống thông tin quản lý để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.
Kỹ năng/Skills	
PLO5	Sử dụng được các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành trong phát triển, quản trị hệ thống thông tin đồng thời xây dựng được dự báo trong kinh doanh và quản trị dự án.
PLO6	Kết hợp được các kiến thức bổ trợ cùng với các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành Công nghệ thông tin và Kinh tế - quản trị trong giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý.
PLO7	Phân tích, giải quyết được các vấn đề chuyên môn phức tạp trong ngành Hệ thống thông tin quản lý.
PLO8	Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu, truyền đạt kiến thức và kỹ năng để phát triển tốt trong lĩnh vực nghiên cứu/giảng dạy.
PLO9	Có khả năng giao tiếp trong lĩnh vực chuyên môn, nói và viết, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả, thích ứng tốt trong môi trường làm việc hội nhập.
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PLO10	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
PLO11	Có năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi, phát triển bản thân
PLO12	Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp

V. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện nhập học/*Admission criteria and policies*

1. **Đối tượng tuyển sinh/Candidates for admission:** Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường

2. **Điều kiện nhập học/Admission criteria:** Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường *my*

VI. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp/*Delivery of the programme and graduation criteria*

1. Quy trình đào tạo/*Delivery of the programme*

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Điều kiện tốt nghiệp/*Graduation criteria*

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định bởi Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

VII. Cách thức đánh giá/*Student assessment*

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

VIII. Nội dung chương trình/*Programme contents*

1. Cấu trúc chương trình – Curriculum structure

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	38	35	3	
1.1.	<i>Lý luận chính trị</i>	11	11		
1.2.	<i>Kiến thức kinh tế, luật và khoa học xã hội – nhân văn</i>	3		3	
1.3.	<i>Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên</i>	12	12		
1.4.	<i>Ngoại ngữ</i>	12	12		
1.5.	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	1.5	1.5	
1.6.	<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>	8	8		
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83	74	9	
2.1.	<i>Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)</i>	21	21		
2.2.	<i>Kiến thức ngành</i>	35	35		
2.3.	<i>Kiến thức chuyên ngành (nếu có)</i>	24	15	9	
2.4.	<i>Kiến thức bổ trợ</i>	3	3		
3.	Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)	10	4	6	
3.1.	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	4	4		

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	6		6	
3.3.	Môn thay thế	6		6	
Tổng cộng		131	111	18	

2. Khối lượng giảng dạy trực tuyến/Online mode of delivery

STT /No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp - Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số/ Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/Period	Giờ/Period	%
1.	Triết học Mác - Lênin	POLI1304	45	13.5	30%
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI1205	30	9	30%
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	30	9	30%
4.	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	POLI1207	30	9	30%
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	37.5	9	24%
6.	Môn kinh tế, luật, khoa học xã hội và nhân văn chọn		45	13.5	30%
7.	Đại số tuyến tính	MATH1313	60	15	25%
8.	Giải tích	MATH1314	60	15	25%
9.	Xác suất và thống kê	MATH1315	60	15	25%
10.	Tiếng Anh nâng cao 1 (K2019)	GENG1339	60	15	25%
11.	Tiếng Anh nâng cao 2 (K2019)	GENG1340	60	15	25%
12.	Tiếng Anh nâng cao 3 (K2019)	GENG1341	60	15	25%
13.	Tiếng Anh nâng cao 4 (K2019)	GENG1342	60	15	25%
14.	Tiếng Anh nâng cao 5 (K2019)	GENG1343	60	15	25%
15.	Quản trị học	BADM1364	60	15	25%
16.	Nguyên lý kế toán	ACCO1325	60	18	30%
17.	Toán rời rạc	MATH2402	60	15	25%
18.	Hệ điều hành	ITEC2301	45	13.5	30%
19.	Phân tích thiết kế hệ thống	ITEC3401	60	15	25%
20.	Hệ thống thông tin quản lý	MISY3301	45	13.5	30%

STT /No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp - Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số/ Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/Period	Giờ/Period	%
21.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	MISY3303	45	13.5	30%
22.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	ACCO1355	60	18	30%
23.	Dự báo trong kinh doanh	BADM2372	60	15	25%
24.	Quản trị dự án	BADM1379	60	15	25%
25.	Môn chuyên ngành chọn 1 khối Kinh tế		60	15	25%
26.	Môn chuyên ngành chọn 2 khối Kinh tế		60	15	25%
Tổng cộng/Total		X	X	364.5	X
Khối lượng CTĐT/Total of credits for the entire curriculum		X	2527.5	364.5	14.42%

3. Nội dung chương trình-Programme contents

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Khối lượng kiến thức - Teaching hours/ credits		Ghi chú/ Remarks (Môn học trước)
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
1	Kiến thức giáo dục đại cương		29.5	8.5	
a)	Lý luận chính trị		10.5	0.5	
1.	Triết học Mác - Lênin Marxist – Leninist philosophy	POLI1304	3		
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist – Leninist Political Economics	POLI1205	2		
3.	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI1206	2		Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	1.5	0.5	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Khối lượng kiến thức - Teaching hours/ credits		Ghi chú/ Remarks (Môn học trước)
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
b)	Kiến thức kinh tế, luật, khoa học xã hội và nhân văn		3		
	Chọn trong danh mục các môn học sau:				
	Pháp luật		3		
	Chọn 01 trong các môn học sau đây:				
6.	Pháp luật đại cương Introduction to Law	GLAW1315	3		
7.	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	BLAW1301	3		
c)	Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên		8	4	
8.	Đại số tuyến tính Linear Algebra	MATH1313	2	1	
9.	Giải tích Analytics	MATH1314	2	1	
10.	Xác suất và thống kê Probability and Statistics	MATH1315	2	1	
11.	Nhập môn tin học Introduction to Informatics	ITEC1401	2	1	
d)	Tiếng Anh (hoặc ngoại ngữ hai)		8	4	
12.	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GENG1339	2	1	
13.	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GENG1340	2	1	
14.	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GENG1341	2	1	
15.	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GENG1342	2	1	
e)	Giáo dục thể chất			3	
	Bắt buộc				
16.	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	PEDU0201		1.5	
	Tự chọn				
17.	GDTC2 – Bóng chuyền Physical Education 2 – Volleyball	PEDU0202		1.5	

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Khối lượng kiến thức - Teaching hours/ credits		Ghi chú/ Remarks (Môn học trước)
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
18.	GDTC2 – Bóng đá Physical Education 2 – Football	PEDU0203		1.5	
19.	GDTC2 – Cầu lông Physical Education 2 – Badminton	PEDU0204		1.5	
20.	GDTC2 – Võ thuật Physical Education 2 – Martial Art	PEDU0205		1.5	
21.	GDTC2 – Bóng bàn Physical Education 2 – Table Tennis	PEDU0206		1.5	
22.	GDTC2 – Bơi lội Physical Education 2 – Swimming	PEDU0207		1.5	
23.	GDTC2 – Bóng rổ Physical Education 2 – Basketball	PEDU0208		1.5	
f)	Giáo dục quốc phòng – an ninh		5	3	
24.	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam Nation Defense and Security Education: National Defense and Security Lines of the Vietnamese Communist Party	DEDU0301	3		
25.	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh Defense and Security Education: Defense and Security Work	DEDU0202	2		
26.	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật Quân sự cơ bản Defense and Security Education: General Military	DEDU0103		1	
27.	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Defense and Security Education: Infantry Fighting Techniques and Tactics	DEDU0204		2	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		64	19	

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Khối lượng kiến thức - Teaching hours/ credits		Ghi chú/ Remarks (Môn học trước)
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
a)	Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)		17	4	
28.	Cơ sở lập trình Introduction to Programming	ITEC1505	3	1	
29.	Kỹ thuật lập trình Programming Techniques	ITEC1504	3	1	Cơ sở lập trình
30.	Toán rời rạc Discrete Mathematics	MATH2402	4		
31.	Kinh tế học đại cương General Economics	SEAS2301	3		
32.	Quản trị học Principles of Management	BADM1364	2	1	
33.	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	ACCO1325	2	1	
b)	Kiến thức ngành		28	7	
34.	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải Data Structures and Algorithms	MISY2501	3	1	Kỹ thuật lập trình
35.	Cơ sở dữ liệu Database Theory	ITEC2502	3	1	Nhập môn tin học
36.	Mạng máy tính Computer Networks	ITEC2503	3	1	
37.	Hệ điều hành Operating System	ITEC2301	3		
38.	Lập trình hướng đối tượng Object-Oriented Programming	ITEC2504	3	1	Kỹ thuật lập trình
39.	Lập trình giao diện GUI Programming	ITEC2401	2	1	Kỹ thuật lập trình
40.	Phân tích thiết kế hệ thống System Analysis and Design	ITEC3401	4		Cơ sở dữ liệu
41.	Hệ thống thông tin quản lý Management Information System	MISY3301	3		
42.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning System	ACCO1355	2	1	

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Khối lượng kiến thức - Teaching hours/ credits		Ghi chú/ Remarks (Môn học trước)
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
43.	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	ECON1316	2	1	Xác suất thống kê
c)	Kiến thức chuyên ngành		17	7	
	Bắt buộc		11	4	
44.	Lập trình cơ sở dữ liệu Database Programming	ITEC3406	2	1	Cơ sở dữ liệu, Lập trình giao diện
45.	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu Database System Administration	ITEC4402	2	1	Cơ sở dữ liệu
46.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý Management Information System Development	MISY3303	3		Hệ thống thông tin quản lý
47.	Dự báo trong kinh doanh Business Forecasting	BADM2372	2	1	
48.	Quản trị dự án Project Management	BADM1379	2	1	
	3 môn Tự chọn tùy ý trong danh sách (* DSTC) các môn sau: Ký hiệu: Tự chọn 1, Tự chọn 2 và Tự chọn 3 Chú ý: SV có thể chọn 3 môn cùng 1 hướng hoặc cả 2 hướng.		6	3	
	Tự chọn Hướng Công nghệ thông tin (STT từ 49 đến 56)				
49.	Quản lý dự án phần mềm Software Project Management	ITEC4408	2	1	Công nghệ phần mềm, Phân tích thiết kế hệ thống
50.	Công nghệ phần mềm Software Engineering	ITEC4409	2	1	Cơ sở dữ liệu, Lập trình hướng đối tượng
51.	Kiểm thử phần mềm Software Testing	ITEC4415	2	1	Phân tích thiết kế hệ thống
52.	Công nghệ mã nguồn mở Open Source Technology	ITEC4410	2	1	Hệ điều hành

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Khối lượng kiến thức - Teaching hours/ credits		Ghi chú/ Remarks (Môn học trước)
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
53.	Phát triển hệ thống Web Web development	ITEC2302	2	1	Cơ sở dữ liệu, Lập trình hướng đối tượng
54.	An toàn hệ thống thông tin Information System Security	ITEC3412	2	1	Kỹ thuật lập trình, Mạng máy tính
55.	Chuyên đề 1 Special subject 1	MISY3401	2	1	Tất cả các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc
56.	Phân tích dữ liệu Data Analytics	ITEC2303	2	1	Kỹ thuật lập trình, Toán rời rạc
	Tự chọn Hướng Kinh tế - quản trị (STT 57 đến 62)				
57.	Quản trị tài chính Financial Management	FINA1328	2	1	
58.	Quản trị nhân lực Human Resource Management	BADM1366	2	1	
59.	Quản trị rủi ro Risk management	BADM2371	2	1	
60.	Quản trị Marketing Marketing Management	BADM1367	2	1	
61.	Thương mại điện tử Electronic Commerce	BADM1373	2	1	
62.	Quản trị chiến lược Strategic Management	BADM1380	2	1	
d)	Kiến thức bổ trợ		2	1	
63.	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GENG1343	2	1	
3	Thực tập và khóa luận/đồ án tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)			10	
64.	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	MISY4899		4	
65.	Khóa luận tốt nghiệp	MISY4699		6	

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Khối lượng kiến thức - Teaching hours/ credits		Ghi chú/ Remarks (Môn học trước)
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
	Graduation Thesis				
	Hoặc 2 môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp: Tự chọn 4 và Tự chọn 5 (chọn trong DSTC bên trên)		4	2	
Tổng cộng:			93.5	37.5	

Danh sách tự chọn (DSTC) gồm nhiều môn chia theo 2 định hướng: Công nghệ thông tin và Kinh Tế Quản Trị. Sinh viên có thể chọn tất cả 3 môn tự chọn theo cùng 1 hướng hoặc rải theo cả 2 hướng. Mỗi nhóm có nhiều môn để dự trù tình huống sinh viên chọn 3 môn TC1-2-3 chỉ theo 1 hướng thì khi học thêm 2 môn tự chọn 4 và 5 (thay thế cho khóa luận tốt nghiệp thì vẫn có thể chọn tiếp 2 môn còn lại trong nhóm đó).

IX. Kế hoạch đào tạo (dự kiến)/Delivery of the curriculum (expected)

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
HỌC KỲ 1							
1.	Đại số tuyến tính	MATH1313	45	15	75	Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập.	Bài tập có tính điểm trên lớp. Bài kiểm tra trên LMS; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra cuối kỳ.
2.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1339	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
3.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1340	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
4.	Nhập môn tin học	ITEC1401	60		75	Thuyết giảng, thảo luận chủ đề, bài tập, bài tập nhóm	Giữa kỳ: bài thi thực hành trên máy Cuối kỳ: bài thi trên giấy (Tự luận+Trắc nghiệm)
5.	Cơ sở lập trình	ITEC1505	75		105	Thuyết giảng, thảo luận chủ đề, bài tập	Giữa kỳ: bài thi thực hành trên máy Cuối kỳ: bài thi thực hành trên máy
HỌC KỲ 2							
1.	Giải tích	MATH1314	45	15	75	Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập.	Bài tập có tính điểm trên lớp. Bài kiểm tra trên LMS; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra cuối kỳ.
2.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1341	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
3.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1342	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GVgợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng day/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
4.	Kinh tế học đại cương	SEAS2301	45		90	Giảng viên thuyết giảng, hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm, bài tập về nhà	Quá trình: chuyên cần, bài tập nhóm, kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ. Cuối kỳ: trắc nghiệm
5.	Kỹ thuật lập trình	ITEC1504	75		105	Thuyết giảng, thảo luận chủ đề, bài tập	Giữa kỳ: bài thi thực hành trên máy Cuối kỳ: bài thi thực hành trên máy
HỌC KỲ 3							
1.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1343	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						viên khi cần thiết	luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
2.	Quản trị học	BADM1364	45	15	75	Thuyết giảng, Case study, BT, thảo luận, thuyết trình	Trắc nghiệm, Tự luận, Tiểu luận
3.	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	MISY2501	75		105	Thuyết giảng, thảo luận chủ đề, bài tập nhóm	Giữa kỳ: bài thi thực hành trên máy Cuối kỳ: bài thi tự luận trên giấy
4.	Xác suất và thống kê	MATH1315	45	15	75	Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập.	Bài tập có tính điểm trên lớp. Bài kiểm tra trên LMS; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra cuối kỳ.
HỌC KỲ 4							
1.	Triết học Mác- Lênin	POLI1304	31.5	13.5	90	Thuyết giảng, Thuyết trình	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Nguyên lý kế toán	ACCO1325	42	18	75	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
3.	Cơ sở dữ liệu	ITEC2502	75		105	Thuyết giảng, bài tập, bài tập nhóm	Giữa kỳ: bài thi thực hành trên máy Cuối kỳ: bài thi trên giấy (Tự luận)
4.	Hệ điều hành	ITEC2301	31.5	13.5	90	Thuyết giảng, thảo luận, bài tập	Giữa kỳ: tự luận/trắc nghiệm Cuối kỳ: tự luận/trắc nghiệm
5.	Lập trình hướng đối tượng	ITEC2504	75		105	Thuyết giảng lý thuyết, minh họa thực hành, thảo luận, bài tập lý thuyết, bài tập thực hành	Điểm giữa kỳ: Bài tập lớn (vấn đáp)/thi thực hành Điểm cuối kỳ: Thi tự luận
HỌC KỲ 5							
1.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POLI1205	21	9	60	Thuyết giảng,	Đánh giá thái độ (chuyên

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Kinh tế lượng	ECON1316	45	15	75	Giảng viên thuyết giảng, hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm, thảo luận nhóm, bài tập về nhà	Quá trình: bài trắc nghiệm, bài tập thực hành nhóm, bài tập lớn theo nhóm. Cuối kỳ: trắc nghiệm
3.	Mạng máy tính	ITEC2503	75		105	Thuyết giảng, thảo luận, bài tập	Giữa kỳ: kiểm tra trên máy Cuối kỳ: tự luận
4.	Lập trình giao diện	ITEC2401	60		75	Thuyết giảng, bài tập, bài tập nhóm	Giữa kỳ: kiểm tra trên máy Cuối kỳ: trắc nghiệm
5.	Toán rời rạc	MATH2402	45	15	120	Thuyết giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập lý thuyết	Điểm giữa kỳ: Bài tập Điểm cuối kỳ: Thi trắc nghiệm + tự luận
HỌC KỲ 6							

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
1.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	21	9	60	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Phân tích thiết kế hệ thống	ITEC3401	45	15	120	Thuyết giảng, bài tập nhóm, thảo luận chủ đề	Giữa kỳ: tiểu luận nhóm Cuối kỳ: bài thi trên giấy
3.	Quản trị dự án	BADM1379	45	15	75	Thuyết giảng, Case study, BT, thảo luận, thuyết trình	Trắc nghiệm, Tự luận, Tiểu luận
4.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	ACCO1355	42	18	75	Thuyết giảng, bài tập, tình huống	Bài quá trình; giữa kỳ; cuối kỳ
HỌC KỲ 7							
1.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	21	9	60	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá;	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						Tự học - Đọc tài liệu.	
2.	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	ITEC4402	60		75	Thuyết giảng lý thuyết, minh họa thực hành, thảo luận, bài tập lý thuyết, bài tập thực hành	Điểm quá trình: thi thực hành, làm bài tập Điểm cuối kỳ: thi tự luận trên giấy
3.	Hệ thống thông tin quản lý	MISY3301	31.5	13.5	90	Thuyết giảng, Thảo luận chủ đề (cá nhân, nhóm)	Bài tập tự luận cá nhân, Bài tập nhóm (thuyết trình)
4.	Dự báo trong kinh doanh	BADM2372	45	15	75	Thuyết giảng, Case study, BT, thảo luận, thuyết trình	Trắc nghiệm, Tự luận, Tiêu luận
5.	Môn Tự chọn 1						
HỌC KỲ 8							
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	28.5	9	52.5	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Lập trình cơ sở dữ liệu	ITEC3406	60		75	Thuyết giảng, thảo luận chủ đề,	Giữa kỳ: bài thi thực hành trên máy + trắc

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						bài tập nhóm	nhịệm Cuối kỳ: tiểu luận nhóm
3.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	MISY3303	31.5	13.5	90	Thuyết giảng, Thảo luận chủ đề (cá nhân, nhóm)	Bài tập tự luận cá nhân, Bài tập nhóm (thuyết trình)
4.	Môn Tự chọn 2						
HỌC KỲ 9							
1.	Môn Tự chọn 3						
2.	Pháp luật Chọn 1 môn trong mục Pháp luật					Giảng viên thuyết giảng, thảo luận	Quá trình: bài tập nhóm, kiểm tra giữa kỳ tự luận hoặc trắc nhịệm Cuối kỳ: trắc nhịệm
HỌC KỲ 10							
1.	Thực tập tốt nhịệm	MISY4899	120		60	Hướng dẫn làm quyền báo cáo thực tập	Quá trình: Đánh giá của cơ quan/công ty thực tập Cuối kỳ: Đánh giá của GVHD và điểm quyền báo cáo
HỌC KỲ 11							

STT/ No.	Tên môn học/Course Name	Mã môn học/Course Code	Thời lượng môn học Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/ bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F- T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
1.	Khóa luận tốt nghiệp	MISY4699	180		90	Hướng dẫn thực hiện khóa luận và làm quyền báo cáo	Quá trình: Đánh giá của GVHD và GVPB Cuối kỳ: Đánh giá của Hội đồng
	<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>						
1.	Môn Tự chọn 4						
2.	Môn Tự chọn 5						

X. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (Phụ lục 1)/ Curriculum mapping (Appendix 1)

XI. Tổng hợp phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra (Phụ lục 2)/ Synthesis of teaching and learning methods and student assessment for the achievement of PLOs (Appendix 2)

XII. Sơ đồ chương trình đào tạo (Phụ lục 3)/ Curriculum Roadmap (Appendix 3)

XIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình (Phụ lục 4)/ Guidelines for implementing the programme (Appendix 4)

XIV. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình (Phụ lục 5)/ Quality assurance for the programme (Appendix 5)

XV. Đối sánh chương trình đào tạo trong nước và nước ngoài (Phụ lục 6) / Curriculum benchmarking (Appendix 6)

XVI. Mô tả môn học/Course overview (Mô tả môn học theo thứ tự của cấu trúc chương trình đào tạo)

Môn học/Course Name: Triết học Mác – Lênin *my*

Mã môn học/Course Code: POLI1304

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Triết học Mác-Lênin là những nguyên lý triết học cơ bản do C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin viết nên trên cơ sở kế thừa sáng tạo và phát triển tinh hoa triết học nhân loại, tổng kết thực tiễn và trí tuệ thời đại; là thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng, cách mạng; là những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của thế giới nói chung và sự vận động và phát triển của xã hội nói riêng.

Ý nghĩa – phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác-Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

Môn học/Course Name: **Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Mã môn học/Course Code: POLI1205

Số tín chỉ/Credits: 02

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học/Course Code: POLI1206

Số tín chỉ/Credits: 02

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thể giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.

Môn học/Course Name: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: POLI1207

Số tín chỉ/Credits: 02

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Môn học/Course Name: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã môn học/Course Code: POLI1208

Số tín chỉ/Credits: 02

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người, trong đó nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. 

Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Môn học/Course Name: **Pháp luật đại cương**

Mã môn học/Course Code: GLAW1315 Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (Môn học trước): Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật đại cương là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trình bày những khái niệm cơ bản về Nhà nước và pháp luật, bao gồm: Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, chức năng của Nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và phân tích cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, và Hình thức pháp luật; Giới thiệu khái quát về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống Pháp luật của Nhà nước Việt Nam, trình bày những nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự và Luật Tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Môn học/Course Name: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Mã môn học/Course Code: BLAW1301 Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (Môn học trước): Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học này trang bị cho sinh viên những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Môn học/Course Name: **Đại số tuyến tính**

Mã môn học/Course Code: MATH1313

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Không gian vectơ, Giá trị riêng, vectơ riêng, chéo hóa ma trận, dạng toàn phương và một số ứng dụng thực tế.

Qua môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích, suy luận và giải quyết vấn đề.

Môn học/Course Name: **Giải tích**

Mã môn học/Course Code: MATH1314

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học được tổ chức giảng dạy trong năm thứ nhất của chương trình đào tạo Đại học. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về hàm số, đạo hàm, ứng dụng của đạo hàm, tích phân, ứng dụng của tích phân, phương trình vi phân, chuỗi và hàm nhiều biến số.

Môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích, suy luận và giải quyết vấn đề.

Môn học/Course Name: **Xác suất và thống kê**

Mã môn học/Course Code: MATH1315

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này thuộc phần kiến thức nền tảng, có vai trò cung cấp kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê làm cơ sở cho các môn chuyên ngành và có thể vận dụng trong cuộc sống. Nội dung môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng bao gồm: xác suất, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, thống kê mô tả, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết và hồi qui tuyến tính đơn, và phần mềm xử lý thống kê R ở mức độ cơ bản. *my*

Môn học/Course Name: **Nhập môn tin học**

Mã môn học/Course Code: ITEC1401

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Nhập môn Tin học là môn học đầu tiên của chương trình đào tạo Đại học khối ngành Công nghệ thông tin (CNTT).

Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quát về ngành học, khái quát về lịch sử phát triển và hình thành của khối ngành CNTT, các kiến thức cơ bản về tin học cơ sở như: cấu trúc và hoạt động của máy vi tính, biểu diễn dữ liệu trong máy tính, các hệ đếm thông dụng, khái niệm hệ điều hành, mạng máy tính cơ bản.

Môn học cung cấp kiến thức làm nền tảng cho sinh viên sử dụng tốt phần mềm tin học văn phòng (soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, soạn thảo trình diễn). Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu khái quát các nghề nghiệp có liên quan khối ngành CNTT tới sinh viên

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 1**

Mã môn học/Course Code: GENG1339

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 1 là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học đầu tiên trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 2**

Mã môn học/Course Code: GENG1340

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 2 là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học thứ hai trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 3**

Mã môn học/Course Code: GENG1341

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 3 là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học thứ ba trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 4**

Mã môn học/Course Code: GENG1342

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 4 là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học thứ tư trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 1**

Mã môn học/Course Code: PEDU0201

Số tín chỉ/Credits: 1.5

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Giáo dục thể chất 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết giúp sinh viên biết sử dụng bài tập thể dục làm phương tiện để rèn luyện nâng cao sức khỏe, khả năng phối hợp vận động và phát huy cái đẹp của cơ thể.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**

Mã môn học/Course Code: PEDU0202

Số tín chỉ/Credits: 1.5

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: /

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**

Mã môn học/Course Code: PEDU0203

Số tín chỉ/Credits: 1.5

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng đá: Lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng đá.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**

Mã môn học/Course Code: PEDU0204

Số tín chỉ/Credits: 1.5

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn cầu lông. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu cầu lông.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật**

Mã môn học/Course Code: PEDU0205

Số tín chỉ/Credits: 1.5

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học giáo dục thể chất 02 – Võ thuật thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về võ thuật, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe đồng thời trang bị cho những kỹ năng, kỹ thuật Võ tự vệ gắn liền với cuộc sống hàng ngày.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn**

Mã môn học/Course Code: PEDU0206

Số tín chỉ/Credits: 1.5

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học giáo dục thể chất 2 – Bóng bàn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng bàn như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng bàn, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng bàn.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bơi lội**

Mã môn học/Course Code: PEDU0207

Số tín chỉ/Credits: 1.5

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Giáo dục thể chất 2 – Bơi lội thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng và thái độ cần thiết, giúp sinh viên hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện Bơi lội, các bài tập kỹ thuật bơi ếch và cách sử dụng có hiệu quả các bài tập đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khỏe và đề phòng tai nạn trong môi trường nước.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng rổ**

Mã môn học/Course Code: PEDU0208

Số tín chỉ/Credits: 1.5

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Giáo dục thể chất 2 – Bóng rổ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học

nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn bóng rổ. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng rổ.

Môn học/Course Name: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: DEDU0301

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong 04 môn học thuộc Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, những kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay.

Môn học/Course Name: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh**

Mã môn học/Course Code: DEDU0202

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh là một trong 04 môn học thuộc Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chính sách pháp luật nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

Môn học/Course Name: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung**

Mã môn học/Course Code: DEDU0103

Số tín chỉ/Credits: 1

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: 

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung là một trong 04 môn học thuộc chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quân sự chung trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

Mã môn học/Course Code: DEDU0204

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một trong 04 môn học thuộc chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác.

Môn học/Course Name: **Cơ sở lập trình**

Mã môn học/Course Code: ITEC1505

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Cơ sở lập trình là môn học lập trình đầu tiên dành cho sinh viên khối ngành Công Nghệ Thông Tin, nó giúp cho sinh viên tiếp cận từng bước kiến thức và kỹ năng để viết chương trình trên máy tính.

Môn học này cung cấp các kiến thức nền tảng trong lập trình như: cách tìm giải thuật, biểu diễn giải thuật, các kiểu dữ liệu, các phép toán và các cấu trúc điều khiển của ngôn ngữ lập trình được sử dụng để viết các chương trình tính toán từ đơn giản đến phức tạp hơn. Ngôn ngữ lập trình dùng để minh họa là C++.

Môn học/Course Name: **Kỹ thuật lập trình** /M/

Mã môn học/Course Code: ITEC1504

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Cơ sở lập trình

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Kỹ Thuật Lập Trình trang bị cho sinh viên một số kiến thức tiếp theo của lập trình cấu trúc mà chưa được đề cập trong môn Cơ sở lập trình.

Nội dung môn học bao gồm: mảng nhiều chiều, đệ qui, con trỏ, chuỗi ký tự, các kiểu dữ liệu tự tạo và các thao tác với tập tin. Ngôn ngữ lập trình được dùng để minh họa là C++.

Môn học/Course Name: **Toán rời rạc**

Mã môn học/Course Code: MATH2402

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Toán rời rạc là cơ sở lý thuyết để biểu diễn và nghiên cứu các đối tượng rời rạc trong Khoa học và Kỹ thuật Máy tính, đặc biệt là về các vấn đề có tính trừu tượng, đó cũng là loại đối tượng đặc thù mà máy tính số có khả năng lưu trữ và xử lý một cách tốt nhất. Toán rời rạc là cơ sở toán học để mô hình hóa, hình thức hóa các hệ thống thông tin dựa trên máy tính một cách đúng đắn và hiệu quả. Những nội dung này rất quan trọng nhằm giúp sinh viên hiểu sâu về các khía cạnh trừu tượng trong cấu tạo và hoạt động của các hệ thống tính toán.

Môn học/Course Name: **Kinh tế học đại cương**

Mã môn học/Course Code: SEAS2301

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Kinh tế học đại cương là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô (cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường; các mô hình ra quyết định của các tác nhân riêng lẻ trong nền kinh tế: người tiêu dùng và nhà sản xuất;...) và các công cụ cần thiết để phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô (sản lượng, lạm phát, thất nghiệp,...).

Môn học/Course Name: **Quản trị học**

Mã môn học/Course Code: BADM1364

Số tín chỉ/Credits: 03 

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Quản trị học là môn học nền tảng cho ngành học Quản trị kinh doanh, sẽ được học đầu tiên trong chương trình, giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về quản trị. Trên cơ sở nền tảng của quản trị học, sinh viên sẽ học các môn học như: Quản trị nhân lực; Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị chiến lược, và rất nhiều các môn học ngành và chuyên ngành khác.

Môn học/Course Name: **Nguyên lý kế toán**

Mã môn học/Course Code: ACCO1325

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán và mô tả được quy trình kế toán trong một doanh nghiệp, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính. Ngoài ra, môn học còn trang bị một số kỹ thuật của kế toán như tài khoản, ghi sổ kép, tính giá, ... để thực hành nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất.

Môn học/Course Name: **Cấu trúc dữ liệu và thuật giải**

Mã môn học/Course Code: MISY2501

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Kỹ thuật lập trình

Mô tả tóm tắt/Course description: Cấu trúc dữ liệu và thuật giải là môn học cơ bản, trang bị cho sinh viên kiến thức về các cấu trúc dữ liệu và các thuật giải thông dụng, các phương pháp tiếp cận với giải pháp giải quyết vấn đề và phân tích tính hiệu quả của giải pháp, giúp sinh viên phát triển kỹ năng thiết kế cấu trúc dữ liệu, ứng dụng để giải quyết các vấn đề và xử lý thông tin trong doanh nghiệp.

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau đây: các cấu trúc dữ liệu cơ bản như ngăn xếp, hàng đợi, danh sách liên kết, cây nhị phân tìm kiếm...; các thuật toán sắp xếp như heapsort, quicksort, counting sort, bucket sort...; biểu diễn đồ thị trong máy tính và các thuật toán đồ thị như duyệt đồ thị theo chiều rộng, chiều sâu, tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây bao trùm nhỏ nhất, v.v. 

Môn học/Course Name: **Cơ sở dữ liệu**

Mã môn học/Course Code: ITEC2502

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Nhập môn tin học

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, giúp sinh viên hiểu được ý nghĩa và vai trò của cơ sở dữ liệu, kiến thức về cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ truy vấn dữ liệu SQL và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu.

Môn học cung cấp các kiến thức làm nền tảng cho sinh viên học tiếp môn học Cơ sở dữ liệu nâng cao và Phân tích thiết kế hệ thống, và giúp ích cho sinh viên trong việc xây dựng các ứng dụng phần mềm có dùng cơ sở dữ liệu khi làm đồ án, đề tài hay làm việc sau khi ra Trường

Môn học/Course Name: **Mạng máy tính**

Mã môn học/Course Code: ITEC2503

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Mạng máy tính là môn học thuộc nhóm kiến thức ngành của chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống Thông tin Quản lý nhằm cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản về mạng máy tính

Môn học/Course Name: **Hệ điều hành**

Mã môn học/Course Code: ITEC2301

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Hệ điều hành là môn học thuộc nhóm học phần cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý hệ điều hành bao gồm các vấn đề quản lý tiến trình/luồng (process/thread), quản lý bộ nhớ, quản lý file và các thiết bị nhập/xuất

Môn học/Course Name: **Lập trình hướng đối tượng**

Mã môn học/Course Code: ITEC2504

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Kỹ thuật lập trình

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về lập trình hướng đối tượng, giúp sinh viên có khả năng giải quyết vấn đề theo tư duy hướng đối tượng và sử dụng sơ đồ lớp (Class Diagram) của UML (Unified Modeling Language) để thiết kế các lớp và mối quan hệ giữa các lớp. Hoàn tất môn học sinh viên nắm rõ các đặc trưng lập trình hướng đối tượng bao gồm tính trừu tượng, tính đóng gói, tính kế thừa và tính đa hình, và có khả năng lập trình bằng ngôn ngữ Java hiện thực hướng đối tượng

Môn học/Course Name: **Lập trình giao diện**

Mã môn học/Course Code: ITEC2401

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Kỹ thuật lập trình

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lập trình lớp giao diện, nâng cao kỹ năng lập trình với giao diện đồ họa bằng công cụ trực quan, xây dựng ứng dụng Windows Form sử dụng ngôn ngữ C#.Net với môi trường lập trình chuyên nghiệp Microsoft Visual Studio .NET

Môn học này là tiền đề cho sinh viên học tốt các ngôn ngữ lập trình khác, và cũng là nền tảng hỗ trợ cho sinh viên làm các đề tài lập trình trong trường cũng như các dự án phần mềm sau khi ra trường.

Môn học/Course Name: **Phân tích thiết kế hệ thống**

Mã môn học/Course Code: ITEC3401

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Cơ sở dữ liệu

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về các khái niệm, nguyên lý, và các nội dung công việc cần thiết phải thực hiện để có thể cải tiến hay xây dựng mới một phần hay toàn bộ Hệ thống thông tin (HTTT).

Môn học cung cấp các kiến thức làm nền tảng để sinh viên thực hiện được các công việc cơ bản, cụ thể trong từng công đoạn của quá trình phân tích và thiết kế HTTT theo hướng cấu trúc

Môn học/Course Name: **Hệ thống thông tin quản lý**

Mã môn học/Course Code: MISY3301

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp các kiến thức về khái niệm về hệ thống thông tin và các hệ thống thông tin trong thực tế. Bên cạnh đó môn học rèn luyện về kỹ năng tự học hỏi, phân tích, áp dụng vào giải quyết các vấn đề công nghệ trong các hệ thống thông tin tin ngày nay. Sinh viên được giới thiệu các mô hình hệ thống thông tin phổ biến ngày nay và qua các tình huống (case-study) để rèn luyện khả năng tư duy phân tích và giải quyết vấn đề (phân tích, thiết kế và lập kế hoạch thực hiện).

Bên cạnh đó, sinh viên được tạo điều kiện làm việc với nhau dưới sự định hướng của giáo viên để phát triển khả năng cũng như ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp: trung thực, uy tín; hành xử chuyên nghiệp; cũng như tinh thần tự giác và ý thức cộng đồng, tổ chức và quốc gia

Môn học/Course Name: **Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)**

Mã môn học/Course Code: ACCO1355

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống thông tin doanh nghiệp hướng tích hợp trên môi trường ERP bao gồm quy trình kinh doanh, hoạch định trong tổ chức, dòng số liệu kế toán trên hệ thống và kiểm soát hệ thống. Môn học giới thiệu các khái niệm, thuật ngữ cơ bản và giải thích cho người học những tác động của việc ứng dụng hệ thống ERP vào tổ chức. Bên cạnh đó, người học được tiếp cận với giải pháp ERP cụ thể.

Môn học/Course Name: **Kinh tế lượng**

Mã môn học/Course Code: ECON1316

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: môn học trước Xác suất thống kê.

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp các phương pháp để lượng hóa mối quan hệ giữa các hiện tượng kinh tế thông qua các mô hình kinh tế lượng; diễn giải mối quan hệ đó trên cơ sở số liệu thu thập được từ thực tế nhằm củng cố thêm các giả thiết.

Nội dung chủ yếu của môn học nhằm hướng dẫn sinh viên: (1) Cách thiết lập các mô hình mô tả mối quan hệ kinh tế, tức là đưa ra giả thuyết (hypotheses) về các mối quan hệ này giữa các biến số kinh tế. (2) Ước lượng các tham số nhằm đo lường các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế trong mô hình. (3) Kiểm định tính vững chắc của mô hình. (4) Cuối cùng, sử dụng các mô hình đó để đưa ra các dự báo hoặc mô phỏng các hiện tượng kinh tế.

Môn học này giới hạn trong phạm vi: ước lượng mô hình hồi quy tuyến tính, phương pháp ước lượng chủ yếu là phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường (Ordinary Least Square – OLS) và số liệu thu thập dùng để ước lượng là số liệu chéo.

Môn học/Course Name: **Lập trình cơ sở dữ liệu**

Mã môn học/Course Code: ITEC3406

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Cơ sở dữ liệu, Lập trình giao diện

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng lập trình ứng dụng tương tác với cơ sở dữ liệu (CSDL quan hệ, XML) bằng ADO.NET. Ứng dụng được xây dựng theo kiến trúc 3 lớp và sử dụng các kỹ thuật lập trình hiện đại trong phát triển ứng dụng như LINQ, Entity Framework

Môn học/Course Name: **Quản trị hệ cơ sở dữ liệu**

Mã môn học/Course Code: ITEC4402

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Cơ sở dữ liệu

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về việc quản trị một hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) bao gồm các việc: quản trị hệ thống các cơ sở dữ liệu, quản lý các file lưu trữ dữ liệu, quản trị người dùng, quản trị bảo mật và phân quyền, tự động hóa các tác vụ quản trị.

Môn học cung cấp các kiến thức về cơ chế hoạt động của môi trường sử dụng cơ sở dữ liệu kiểu client/server, các kiến thức về sao lưu, phục hồi dữ liệu, giám sát hoạt động để sửa lỗi và cải tiến hệ thống cơ sở dữ liệu. *mm*

Môn học này đào tạo kỹ năng giúp cho sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc với vai trò của người quản trị hệ thống CSDL (database administrator) trong môi trường thực tế:

Môn học/Course Name: **Phát triển hệ thống thông tin quản lý**

Mã môn học/Course Code: MISY3303

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Hệ thống thông tin quản lý

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng nền tảng về các giải pháp về hệ thống thông tin cho cơ quan, doanh nghiệp thông qua các kiến thức chuyên sâu về các phương pháp luận (cơ sở lý thuyết về triết lý, phương pháp luận, kỹ thuật và các công cụ hỗ trợ) phát triển các hệ thống thông tin quản lý.

Cụ thể là khả năng phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống thông tin quản lý cho doanh nghiệp, cơ quan để từ đó đề xuất các giải pháp về cách tổ chức, kế hoạch phát triển và tiêu chí đánh giá các hệ thống thông tin quản lý.

Bên cạnh đó, sinh viên được phát triển ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp: trung thực, uy tín; hành xử chuyên nghiệp; và trách nhiệm đối với bản thân, cộng đồng và đất nước.

Môn học/Course Name: **Dự báo trong kinh doanh**

Mã môn học/Course Code: BADM2372

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Dự báo trong kinh doanh là môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp dự báo ứng dụng trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị. Thông qua nội dung môn học, sinh viên sẽ có thể thực hiện phân tích nhu cầu dự báo, lựa chọn phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp và vận dụng các phương pháp dự báo cơ bản bao gồm: phân tích chỉ số, dự báo chuỗi thời gian và dự báo bằng mô hình hồi quy. Kiến thức của môn học cũng là nền tảng để sinh viên có thể học tiếp các môn liên quan đến phương pháp định lượng trong tương lai.

Môn học/Course Name: **Quản trị dự án**

Mã môn học/Course Code: BADM1379

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Theo quan điểm hiện đại, lý thuyết về quản trị dự án có thể áp dụng vào mọi mặt của một tổ chức. Nó giúp xử lý, kiểm soát, quản lý hầu hết các vấn đề của một doanh nghiệp. Vì thế môn học này có vai trò quan trọng trong ngành đào tạo Quản trị kinh doanh. Nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về dự án và quản trị dự án; các kiến thức liên quan đến việc lựa chọn dự án; cách tổ chức thực hiện dự án; phương pháp lập kế hoạch và xác định ngân sách dự án; cách lập tiến độ thực hiện dự án; phân bổ nguồn lực để thực hiện dự án; phương pháp kiểm soát dự án; các vấn đề liên quan đến hợp đồng và rủi ro trong quá trình thực hiện dự án; và cuối cùng là quyết định kết thúc dự án. Sinh viên sẽ tiếp cận môn Quản trị dự án dễ dàng hơn nếu trang bị trước các kiến thức về Toán căn bản, Kinh tế - xã hội, Lập và thẩm định dự án, Phân tích định lượng trong quản trị, Quản trị nhân sự.

Môn học/Course Name: Quản lý dự án phần mềm

Mã môn học/Course Code: ITEC4408

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Công nghệ phần mềm, Phân tích thiết kế hệ thống

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học nhằm trang bị các kiến thức cơ bản về tiến trình, các hoạt động, các phương pháp, công cụ và một số kỹ năng để quản trị một dự án phần mềm. Thông qua môn học, sinh viên có khả năng tham gia xây dựng một dự án phần mềm, kiểm soát dự án và có thể sử dụng một số công cụ phục vụ quản trị dự án

Môn học/Course Name: Công nghệ phần mềm

Mã môn học/Course Code: ITEC4409

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Cơ sở dữ liệu, Lập trình hướng đối tượng

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về công nghệ phần mềm, quy trình phát triển phần mềm. Hoàn tất môn học sinh viên nắm các phương pháp quan trọng trong từng công đoạn của quy trình phát

triển phần mềm như xác định, phân tích yêu cầu, mô hình hoá hệ thống và kiểm thử phần mềm

Môn học/Course Name: **Kiểm thử phần mềm**

Mã môn học/Course Code: ITEC4415

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Phân tích thiết kế hệ thống

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về kiểm thử phần mềm, kỹ năng phân tích, đánh giá yêu cầu phần mềm để thiết kế test case, các phương pháp phát hiện những lỗi tiềm ẩn có khả năng xảy ra từ yêu cầu phần mềm. Môn học cũng cung cấp những kỹ thuật kiểm thử phần mềm thủ công và kiểm thử tự động.

Môn học/Course Name: **Công nghệ mã nguồn mở**

Mã môn học/Course Code: ITEC4410

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Hệ điều hành

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về công nghệ mã nguồn mở như: các khái niệm, các mô hình kinh doanh của mã nguồn mở, các loại bản quyền, ưu điểm và hạn chế của mã nguồn mở, một số hệ điều hành mã nguồn mở, một số ứng dụng của cộng đồng mã nguồn mở đang được sử dụng phổ biến.

Môn học còn giới thiệu một số công nghệ tiêu biểu dành cho các nhà phát triển phần mềm đang được sử dụng phổ biến trong cộng đồng mã nguồn mở như: GitHub, Eclipse, Maven, và PostgreSQL

Môn học/Course Name: **Phát triển hệ thống web**

Mã môn học/Course Code: ITEC2302

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Cơ sở dữ liệu, Lập trình hướng đối tượng

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lập trình Java từ căn bản đến nâng cao, tập trung phát triển ứng dụng Web với một số framework phổ biến Spring. Bên cạnh sử dụng JDBC tương tác với cơ sở dữ liệu, sử dụng

dụng thành thạo giải pháp ORM (Object Relational Mapping) tương tác với sở dữ liệu thông qua Hibernate framework.

Môn học/Course Name: **An toàn hệ thống thông tin**

Mã môn học/Course Code: ITEC3412

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Kỹ thuật lập trình, Mạng máy tính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp kiến thức về nguyên lý và kỹ thuật an toàn hệ thống thông tin, phát hiện và phòng chống xâm nhập mạng, bảo toàn dữ liệu máy tính cá nhân và hệ thống mạng.

Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể hiểu được tầm quan trọng của vấn đề an toàn dữ liệu. Sinh viên có khả năng thiết lập, bảo trì, bảo mật hệ thống thông tin

Môn học/Course Name: **Chuyên đề 1**

Mã môn học/Course Code: MISY3401

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites (môn học trước): Tất cả các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học (chuyên đề) này thuộc nhóm học phân tự chọn. Môn học này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các giải pháp/công nghệ đang/sẽ áp dụng trong thực tiễn của ngành. Với mục đích này, môn chuyên đề có các đặc điểm sau:

- Có thể tổ chức môn chuyên đề riêng cho từng phân ngành hẹp
- Nội dung cụ thể của môn học sẽ được quyết định tại thời điểm triển khai môn học

Môn học/Course Name: **Phân tích dữ liệu**

Mã môn học/Course Code: ITEC2303

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: môn học trước Kỹ thuật lập trình, Toán rời rạc

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp cho sinh viên các phương pháp trực quan hoá dữ liệu dựa trên dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc giúp hỗ trợ việc

khai thác dữ liệu hiệu quả, kinh tế, đặc biệt là trên dữ liệu lớn. Từ đó, sinh viên có thể đưa ra đánh giá, dự báo xu hướng phát triển trong lĩnh vực cụ thể đang phân tích. Môn học cũng cung cấp các phương pháp phân tích tự động dữ liệu tập dữ liệu lớn dựa trên các mô hình toán học như linear regression, logistic regression để hệ thống có thể đưa ra dự đoán, hỗ trợ ra quyết định trên thông tin dữ liệu mới phục vụ giải quyết các vấn đề trong kinh tế - kinh doanh.

Môn học/Course Name: **Quản trị tài chính**

Mã môn học/Course Code: FINA1328

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Quản trị tài chính (Finance Management) được thiết kế như là môn học kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp cho sinh viên theo học các khối ngành kinh tế.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: (i) Giới thiệu về quản trị tài chính doanh nghiệp, (ii) Thời giá tiền tệ và mô hình chiết khấu dòng tiền, (iii) Lợi nhuận và rủi ro, mô hình định giá tài sản vốn, (iv) Định giá và quyết định đầu tư chứng khoán, (v) Phân tích quyết định đầu tư dự án, (vi) Quản trị tài sản ngắn hạn (vii), Tác động của đòn bẩy lên rủi ro và lợi nhuận, và (viii) Phân tích báo cáo tài chính. Về mặt kỹ năng, sinh viên có thể áp dụng những kiến thức đã học có khả năng đề xuất được các giải pháp để giải quyết những vấn đề thực tế phát sinh liên quan đến các hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

Môn học/Course Name: **Quản trị nhân lực**

Mã số môn học: BADM1366

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học quản trị nhân lực cung cấp những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về quản lý con người trong một tổ chức. Môn học quản trị nhân lực có mối quan hệ chặt chẽ với môn Quản trị học và Hành vi tổ chức.

Môn học/Course Name: **Quản trị rủi ro**

Mã môn học/Course Code: BADM2371

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này vận dụng các kiến thức đã học từ nhiều môn học đã học ở bậc đại học để: nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của rủi ro; nhận diện và phân tích được các rủi ro trong môi trường làm việc sau này, làm chủ công việc và giúp người học Có thể phản ứng và Thích nghi nhanh với những thay đổi Ẩn chứa nhiều rủi ro trong môi trường kinh doanh.

Môn học/Course Name: **Quản trị Marketing**

Mã môn học/Course Code: BADM1367

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Quản trị marketing cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về Marketing, ngoài những khái niệm cơ bản về Marketing ở môn Marketing căn bản, người học có thể hiểu rõ hơn về quá trình quản trị marketing tại doanh nghiệp, biết cách lập kế hoạch chiến lược, chương trình marketing và triển khai tổ chức thực hiện cũng như đánh giá, kiểm soát các hoạt động marketing. Đồng thời, môn học này làm nền tảng để sinh viên có kiến thức học tiếp các môn chuyên ngành Marketing như Phát triển sản phẩm mới, chính sách giá, Quảng cáo, Quan hệ công chúng, Quản trị kênh phân phối.

Môn học/Course Name: **Thương mại điện tử**

Mã môn học/Course Code: BADM1373

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là môn học cần thiết cho sinh viên nhóm ngành Quản Trị Kinh Doanh. Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến phương thức kinh doanh trong thời đại công nghệ, tình hình phát triển thương mại điện tử hiện nay, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing, thanh toán trực tuyến và các vấn đề bảo an trong thương mại điện tử.

Môn học/Course Name: **Quản trị chiến lược**

Mã môn học/Course Code: BADM1380

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược để thiết lập và thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh. Những kiến thức này cũng có thể áp dụng cho các loại tổ chức khác trong xã hội.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 5**

Mã môn học/Course Code: GENG1343

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 5 là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học cuối trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương tiền trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Thực tập tốt nghiệp**

Mã môn học/Course Code: MISY4899

Số tín chỉ/Credits: 4

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực tập tốt nghiệp là môn học được tổ chức vào học kỳ cuối cùng của khóa học, khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ sở, cũng như là những kiến thức chuyên ngành. Môn học này không chỉ giúp cho sinh viên có cơ hội ứng dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế, mà còn tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc thực tế, hiểu được quy trình hoạt động và làm việc của một doanh nghiệp diễn ra như thế nào khi có sự ứng dụng Công nghệ thông tin.

Môn học này yêu cầu sinh viên thực hiện công việc được phân công, yêu cầu ở nơi thực tập. Các công việc đó có thể là các công việc tham gia vào các hoạt động như những nhân viên thực sự của cơ quan, hay có thể là các đề tài dưới hình thức là một dự án, hay bài tập lớn. Khi thực hiện thực tập tốt nghiệp, sinh viên sẽ được một giảng viên phụ trách để theo dõi và đồng thời hướng dẫn chuyên môn. Sau thời gian thực tập theo quy trình, sinh viên sẽ nộp báo cáo thực tập tốt nghiệp và phiếu đánh giá của nơi thực tập để Khoa kiểm tra và đánh giá kết quả. Việc thực hiện thực tập tốt nghiệp phải theo

đúng quy định, theo thông báo của Khoa về các mốc thời gian cụ thể, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác.

Môn học/Course Name: **Khóa luận tốt nghiệp**

Mã môn học/Course Code: MISY4699 Số tín chỉ/Credits: 6

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Khóa luận tốt nghiệp dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học, thỏa điều kiện về điểm học tập của Khoa quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài môn học Khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện khóa luận, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và các sản phẩm, giải pháp, phần mềm đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả.

Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận. Môn học trước: sinh viên đã học tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học.

XVII. Đề cương chi tiết môn học/Detailed course specifications 